

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10CT	1	93366	Nguyễn Ngọc Minh Anh	03/04/2004	Nữ	
10CT	2	95727	Lưu Kiều Vân Anh	27/12/2004	Nữ	
10CT	3	93713	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	25/11/2004	Nữ	
10CT	4	95737	Đặng Thành Công	30/10/2004	Nam	
10CT	5	91589	Cao Trần Trúc Duyên	09/09/2004	Nữ	
10CT	6	91581	Võ Nguyên Thùy Dương	16/04/2004	Nữ	
10CT	7	95742	Bùi Quốc Đạt	04/04/2004	Nam	
10CT	8	91601	Lê Phạm Thu Hiền	19/11/2004	Nữ	
10CT	9	91637	Trần Bình Phương Huyền	05/11/2004	Nữ	
10CT	10	95762	Nguyễn Khương Minh Hưng	13/11/2004	Nam	
10CT	11	91655	Nguyễn Đình Đăng Khoa	06/07/2004	Nam	
10CT	12	130134	Nguyễn Đăng Khoa	15/12/2004	Nam	
10CT	13	91674	Văn Bá Đức Kiên	19/12/2004	Nam	
10CT	14	91689	Nguyễn Xuân Lộc	21/05/2004	Nam	
10CT	15	91695	Nguyễn Phương Mai	02/04/2004	Nữ	
10CT	16	95791	Trần Bình Minh	26/11/2004	Nam	
10CT	17	95790	Nguyễn Phương Minh	22/11/2004	Nữ	
10CT	18	95794	Trần Thúy Ngân	27/01/2004	Nữ	
10CT	19	91741	Trần Minh Nguyệt	12/02/2004	Nữ	
10CT	20	95800	Đinh Hoàng Thảo Nhi	31/10/2004	Nữ	
10CT	21	95803	Ngô Khánh Nhu	16/11/2004	Nữ	
10CT	22	91770	Vũ Thái Phúc	02/10/2004	Nam	
10CT	23	91765	Nguyễn Thiên Phúc	06/11/2004	Nam	
10CT	24	91780	Nguyễn Minh Quân	25/07/2004	Nam	
10CT	25	95820	Ái Minh Thanh	25/08/2004	Nữ	
10CT	26	91819	Đinh Nho Thống	26/11/2004	Nam	
10CT	27	95826	Nguyễn Cát Tiên	15/09/2004	Nữ	
10CT	28	90800	Lê Đức Toàn	15/10/2004	Nam	
10CT	29	91847	Nguyễn Bảo Trâm	11/01/2004	Nữ	
10CT	30	91846	Bùi Huỳnh Trâm	23/04/2004	Nữ	
10CT	31	91880	Đỗ Ngọc Minh Vy	09/01/2004	Nữ	
10CT	32	91883	Nguyễn Châu Uyên Vy	22/04/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10CL	1	91185	Nguyễn Ngọc Minh Anh	06/04/2004	Nữ	
10CL	2	91191	Trần Đại Gia Bảo	14/11/2004	Nam	
10CL	3	93372	Tôn Thất Ngọc Bảo	15/01/2004	Nam	
10CL	4	95639	Nguyễn Vũ Thiên Bảo	12/07/2004	Nam	
10CL	5	91194	Phạm Minh Châu	13/02/2004	Nữ	
10CL	6	95645	Huỳnh Anh Dũng	02/05/2004	Nam	
10CL	7	91214	Bùi Nguyễn Khương Duy	04/02/2004	Nam	
10CL	8	91223	Trương Nguyễn Ngọc Hân	18/07/2004	Nữ	
10CL	9	91226	Phạm Lê Thế Hiền	13/07/2004	Nam	
10CL	10	91229	Trần Minh Hiếu	26/08/2004	Nam	
10CL	11	95648	Nguyễn Trung Hiếu	28/11/2004	Nam	
10CL	12	91233	Trần Bùi Minh Hoàng	28/01/2004	Nam	
10CL	13	131214	Nguyễn Tấn Huy	17/04/2004	Nam	
10CL	14	95654	Ứng Phương Huyền	27/12/2004	Nữ	
10CL	15	91240	Nguyễn Xuân Hy	14/05/2004	Nam	
10CL	16	95656	Cao Minh Khiết	24/11/2004	Nam	
10CL	17	91250	Nguyễn Anh Khoa	08/07/2004	Nam	
10CL	18	91251	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	19/07/2004	Nam	
10CL	19	91258	Kiều Xuân Lâm	09/01/2004	Nam	
10CL	20	95660	Nguyễn Hoàng Long	24/11/2004	Nam	
10CL	21	91276	Vô Công Minh	16/01/2004	Nam	
10CL	22	95664	Dương Khánh Nam	17/11/2004	Nam	
10CL	23	95665	Nguyễn Hoàng Ngân	07/03/2004	Nữ	
10CL	24	91288	Hà Minh Ngọc	22/06/2004	Nam	
10CL	25	91291	Nguyễn Huy Nhân	20/08/2004	Nam	
10CL	26	91293	Mai Trần Phúc Nhật	29/10/2004	Nam	
10CL	27	93471	Trần Ngọc Phương Như	08/01/2004	Nữ	
10CL	28	95682	Trương Tâm Thành	25/03/2004	Nam	
10CL	29	95683	Đoàn Ngọc Như Thảo	25/07/2004	Nữ	
10CL	30	91319	Nguyễn Trường Thi	12/09/2004	Nam	
10CL	31	91321	Nguyễn Hữu Huy Thịnh	15/09/2004	Nam	
10CL	32	130605	Phạm Nguyễn Mai Thư	07/11/2004	Nữ	
10CL	33	91330	Nguyễn Minh Thư	04/01/2004	Nữ	
10CL	34	120075	Lê Minh Tuấn	17/01/2004	Nam	
10CL	35	91355	Đỗ Hùng Việt	02/10/2004	Nam	
10CL	36	93534	Nguyễn Hữu Khánh Vy	07/10/2004	Nữ	
10CL	37	95699	Chu Thị Tường Vy	02/06/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10CH	1	90940	Trần Đỗ Phương Anh	17/08/2004	Nữ	
10CH	2	95557	Trần Phạm Phương Anh	12/05/2004	Nữ	
10CH	3	90938	Nguyễn Quốc Anh	29/09/2004	Nam	
10CH	4	95555	Nguyễn Truyền Vân Anh	25/04/2004	Nữ	
10CH	5	95558	Phạm Lê Kim Ánh	14/11/2004	Nữ	
10CH	6	90954	Trần Phạm Lan Chi	08/04/2004	Nữ	
10CH	7	90960	Nguyễn Việt Công Danh	25/08/2004	Nam	
10CH	8	90967	Trần Vũ Việt Dũng	21/11/2004	Nam	
10CH	9	90972	Phùng Khắc Duy	17/08/2004	Nam	
10CH	10	95572	Nguyễn Thanh Hà	14/10/2004	Nữ	
10CH	11	91009	Phạm Hồ Trung Khang	19/01/2004	Nam	
10CH	12	91018	Đỗ Nguyên Khôi	26/03/2004	Nam	
10CH	13	91022	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	02/03/2004	Nữ	
10CH	14	91029	Đỗ Anh Kỳ	03/12/2004	Nữ	
10CH	15	91051	Trần Việt Anh Minh	21/03/2004	Nam	
10CH	16	91049	Trần Hà Ngọc Minh	16/07/2004	Nữ	
10CH	17	93217	Nguyễn Quang Minh	26/10/2004	Nam	
10CH	18	91070	Lê Thành Nhân	26/02/2004	Nam	
10CH	19	91083	Đỗ Minh Phú	26/02/2004	Nam	
10CH	20	95611	Huỳnh Ngọc Nguyên Phúc	28/09/2004	Nam	
10CH	21	91086	Nguyễn Ngọc Gia Phước	02/08/2004	Nữ	
10CH	22	91100	Hồ Nguyễn Xuân Quang	01/01/2004	Nam	
10CH	23	91113	Lê Bá Siêu	16/06/2004	Nam	
10CH	24	91114	Võ Trúc Sơn	10/08/2004	Nam	
10CH	25	95617	Dương Ngọc Tâm	22/08/2004	Nữ	
10CH	26	91121	Nguyễn Hải Thành	11/08/2004	Nam	
10CH	27	95622	Cao Lê Phương Thi	05/07/2004	Nữ	
10CH	28	91126	Lê Hoàng Bảo Thiên	26/04/2004	Nam	
10CH	29	91133	Vũ Hoàng Thơ	15/04/2004	Nữ	
10CH	30	91138	Nguyễn Ngọc Minh Thư	25/06/2004	Nữ	
10CH	31	91146	Nguyễn Duy Bảo Trân	01/01/2004	Nữ	
10CH	32	91149	Phan Ngọc Bảo Trân	04/06/2004	Nữ	
10CH	33	91163	Phạm Thanh Tùng	04/05/2004	Nam	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10CTin	1	9003	Lê Duy Anh	17/04/2004	Nam	
10CTin	2	9010	Lưu Quốc Bảo	07/04/2004	Nam	
10CTin	3	9007	Huỳnh Trung Bảo	27/10/2004	Nam	
10CTin	4	9014	Nguyễn Quốc Đại	29/04/2004	Nam	
10CTin	5	9015	Vũ Vĩnh Đại	13/06/2004	Nam	
10CTin	6	9020	Cao Kim Đô	15/05/2004	Nam	
10CTin	7	9026	Cao Minh Hải	13/01/2004	Nam	
10CTin	8	9033	Lâm Xuân Hùng	28/01/2004	Nam	
10CTin	9	9036	Lê Gia Huy	28/02/2004	Nam	
10CTin	10	9047	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	13/04/2004	Nam	
10CTin	11	9048	Trần Trọng Đăng Khoa	25/07/2004	Nam	
10CTin	12	9045	Lê Nguyễn Lâm Khoa	11/06/2004	Nam	
10CTin	13	9054	Trần Nguyên Kim	20/10/2004	Nam	
10CTin	14	9061	Trần Thành Long	25/09/2004	Nam	
10CTin	15	9066	Phan Hải Minh	31/12/2004	Nam	
10CTin	16	9071	Trần Nhật Minh	11/10/2004	Nam	
10CTin	17	9077	Võ Thành Nghĩa	27/06/2004	Nam	
10CTin	18	9084	Lâm Hoàng Phước	05/06/2004	Nam	
10CTin	19	9087	Nguyễn Trung Quân	27/09/2004	Nam	
10CTin	20	134675	Nguyễn Thành Thạo	02/02/2004	Nam	
10CTin	21	9106	Huỳnh Minh Trí	27/02/2004	Nam	
10CTin	22	9107	Bùi Minh Triết	18/01/2004	Nam	
10CTin	23	9112	Đoàn Ngọc Quốc Tuấn	01/09/2004	Nam	
10CTin	24	9120	Nguyễn Gia Vĩ	09/02/2004	Nam	
10CTin	25	9126	Nguyễn Đình Tường Vy	23/05/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10CV	1	91897	Nguyễn Hoàng Thanh An	19/05/2004	Nữ	
10CV	2	91904	Đoàn Nguyễn Ngọc Anh	09/06/2004	Nữ	
10CV	3	91899	Đặng Hải Duy Ân	04/05/2004	Nam	
10CV	4	91919	Đặng Văn Quốc Bảo	06/12/2004	Nam	
10CV	5	91935	Nguyễn Ngọc Diệp	08/08/2004	Nữ	
10CV	6	91942	Phạm Hạnh Dung	16/10/2004	Nữ	
10CV	7	95855	Đoàn Thị Mỹ Duyên	20/08/2004	Nữ	
10CV	8	91947	Nguyễn Thùy Dương	08/10/2004	Nữ	
10CV	9	91973	Nguyễn Ngọc Khải Hoàn	08/11/2004	Nữ	
10CV	10	91981	Đỗ Hoàng Uyên Khanh	20/10/2004	Nữ	
10CV	11	91991	Trần Anh Khoa	07/05/2004	Nam	
10CV	12	95879	Đoàn Hiếu Minh	25/08/2004	Nữ	
10CV	13	92037	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngân	12/02/2004	Nữ	
10CV	14	95882	Bùi Thị Kim Ngân	16/03/2004	Nữ	
10CV	15	131455	Lê Vũ Gia Nghi	13/04/2004	Nữ	
10CV	16	92061	Trương Khánh Hồng Ngọc	10/06/2004	Nữ	
10CV	17	90546	Cao Lê Hồng Nguyên	13/12/2004	Nữ	
10CV	18	92064	Nguyễn Trương Linh Nguyên	13/05/2004	Nữ	
10CV	19	92065	Nguyễn Vũ Tường Nguyên	02/12/2004	Nữ	
10CV	20	92067	Hoàng Cẩm Diễm Nhi	09/08/2004	Nữ	
10CV	21	92072	Nguyễn Quý Phương Nhi	18/08/2004	Nữ	
10CV	22	100386	Nguyễn Trọng Phát	18/12/2004	Nam	
10CV	23	95895	Hoàng Văn Phi	05/04/2004	Nam	
10CV	24	92105	Trần Lê Như Phụng	16/07/2004	Nữ	
10CV	25	94394	Đào Nguyễn Phương Thảo	07/02/2004	Nữ	
10CV	26	95908	Cao Hoàng Minh Thơ	19/10/2004	Nữ	
10CV	27	94407	Lưu Thị Hoài Thu	22/05/2004	Nữ	
10CV	28	94418	Ngô Anh Thư	30/10/2004	Nữ	
10CV	29	92145	Vũ Đình Anh Thy	17/01/2004	Nữ	
10CV	30	94446	Phan Doãn Tiến	09/05/2004	Nam	
10CV	31	94445	Nguyễn Lê Minh Tiến	19/08/2004	Nam	
10CV	32	92157	Trịnh Minh Trân	05/03/2004	Nữ	
10CV	33	131909	Nguyễn Linh Tri	29/05/2004	Nữ	
10CV	34	95910	Lê Lâm Hải Triều	27/09/2004	Nữ	
10CV	35	92171	Huỳnh Ngọc Minh Tú	23/08/2004	Nữ	
10CV	36	92198	Trần Hồng Vy	14/02/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10CA	1	90048	Nguyễn Hồng Anh	18/06/2004	Nữ	
10CA	2	90064	Nguyễn Quốc Minh Anh	28/12/2004	Nữ	
10CA	3	90060	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	10/01/2004	Nữ	
10CA	4	90084	Đỗ Đại Bách	15/11/2004	Nam	
10CA	5	90092	Nguyễn Thái Bảo	07/01/2004	Nữ	
10CA	6	90087	Tiêu Trí Bằng	18/03/2004	Nam	
10CA	7	130976	Nguyễn Trương Khánh Châu	14/11/2004	Nữ	
10CA	8	90103	Hoàng Minh Châu	30/09/2004	Nữ	
10CA	9	90109	Đỗ Quỳnh Chi	31/01/2004	Nữ	
10CA	10	95339	Huỳnh Dũng	12/12/2004	Nam	
10CA	11	90181	Dương Thụy Bích Hà	31/10/2004	Nữ	
10CA	12	90186	Trần Nguyễn Hoàng Hà	10/04/2004	Nữ	
10CA	13	90190	Nguyễn Thanh Hạ	12/07/2004	Nữ	
10CA	14	90404	Nguyễn Phương Linh	07/04/2004	Nữ	
10CA	15	95411	Trần Đoàn Thùy Linh	26/01/2004	Nữ	
10CA	16	90402	Nguyễn Minh Yến Linh	10/10/2004	Nữ	
10CA	17	92645	Nguyễn Phạm Khánh Mai	10/02/2004	Nữ	
10CA	18	90434	Trần Nguyễn Ngọc Mai	12/01/2004	Nữ	
10CA	19	90486	Nguyễn Phúc Nam	09/08/2004	Nam	
10CA	20	90525	Đoàn Hồng Ngọc	14/10/2004	Nữ	
10CA	21	90597	Trần Quỳnh Nhi	29/01/2004	Nữ	
10CA	22	95452	Trương Quỳnh Như	25/02/2004	Nữ	
10CA	23	130481	Võ Trí Quốc	19/04/2004	Nam	
10CA	24	95479	Đỗ Nguyễn Hoàng Quyền	25/01/2004	Nữ	
10CA	25	94003	Nguyễn Đức Tâm	24/04/2004	Nam	
10CA	26	90731	Hà Phương Thảo	26/12/2004	Nữ	
10CA	27	90740	Tô Nguyễn Hiền Thi	24/12/2004	Nữ	
10CA	28	90778	Cao Nguyễn Thái Thuận	01/08/2004	Nam	
10CA	29	90766	Nguyễn Nguyên Thư	08/11/2004	Nữ	
10CA	30	90802	Phạm Khánh Toàn	08/12/2004	Nam	
10CA	31	90804	Phạm Ngọc Thanh Trà	15/04/2004	Nữ	
10CA	32	92983	Trịnh Minh Trí	13/04/2004	Nam	
10CA	33	90856	Trịnh Ngọc Minh Tú	03/11/2004	Nữ	
10CA	34	93008	Hoàng Vũ Anh Tuấn	02/10/2004	Nam	
10CA	35	90864	Nguyễn Định Tường	16/03/2004	Nam	
10CA	36	90881	Nguyễn Thanh Vân	31/07/2004	Nữ	
10CA	37	121658	Trần Nguyễn Quang Vinh	16/04/2004	Nam	
10CA	38	90912	Phạm Hoàng Lan Vy	14/02/2004	Nữ	
10CA	39	95548	Ngô Hồng Yến	10/12/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10T	1	103517	Vũ Trịnh Quỳnh Anh	10/02/2004	Nữ	
10T	2	91567	Hoàng Tùng Diệp	24/06/2004	Nữ	
10T	3	120340	Lê Ngọc Diệu	21/06/2004	Nữ	
10T	4	95744	Trần Nhật Duật	27/12/2004	Nam	
10T	5	144851	Nguyễn Minh Đạt	20/05/2004	Nam	
10T	6	169543	Nguyễn Tấn Đạt	28/01/2004	Nam	
10T	7	90172	Lê Minh Giang	09/02/2004	Nữ	
10T	8	120391	Nguyễn Thế Hải	01/05/2004	Nam	
10T	9	102769	Nguyễn Đặng Mỹ Hạnh	23/10/2004	Nữ	
10T	10	91599	Phan Thị Thu Hằng	19/06/2004	Nữ	
10T	11	95757	Lã Đình Trung Hiếu	01/02/2004	Nam	
10T	12	91613	Nguyễn Thanh Hoàng	21/02/2004	Nam	
10T	13	130091	Nguyễn Minh Khang	23/10/2004	Nam	
10T	14	95770	Phạm Khang	15/10/2004	Nam	
10T	15	95773	Hoàng Anh Khoa	21/03/2004	Nam	
10T	16	91657	Trịnh Vũ Minh Khoa	06/07/2004	Nam	
10T	17	93841	Nguyễn Phi Khoa	19/07/2004	Nam	
10T	18	91667	Thái Anh Khôi	08/01/2004	Nam	
10T	19	103236	Nguyễn Tấn Kiệt	25/01/2004	Nam	
10T	20	91676	Vũ Nguyễn Phúc Lâm	01/01/2004	Nam	
10T	21	132535	Trần Nhật Linh	22/02/2004	Nữ	
10T	22	95785	Trần Bảo Hoàng Long	01/01/2004	Nam	
10T	23	90433	Tạ Phương Mai	05/12/2004	Nữ	
10T	24	95792	Nguyễn Trà My	11/11/2004	Nữ	
10T	25	121332	Trần Lê Trung Nghĩa	06/08/2004	Nam	
10T	26	90534	Nguyễn Đức Hồng Ngọc	07/08/2004	Nữ	
10T	27	104779	Phạm Trí Nhân	13/03/2004	Nam	
10T	28	131565	Hoàng Đào Ánh Nhung	01/10/2004	Nữ	
10T	29	130373	Dương Thị Quỳnh Như	20/01/2004	Nữ	
10T	30	91085	Lê Ngô Hoàng Phúc	19/08/2004	Nam	
10T	31	91771	Luân Khánh Phụng	18/06/2004	Nữ	
10T	32	102309	Nguyễn Minh Quang	09/01/2004	Nam	
10T	33	91783	Phạm Minh Quân	04/05/2004	Nam	
10T	34	138896	Phùng Khánh Tâm	25/11/2004	Nữ	
10T	35	94014	Võ Thị Trúc Thanh	08/12/2004	Nữ	
10T	36	102365	Hồ Trọng Thành	30/12/2004	Nam	
10T	37	103911	Bùi Thanh Thảo	12/05/2004	Nữ	
10T	38	131780	Lê Hoàng Thịnh	10/03/2004	Nam	
10T	39	131819	Lê Lâm Thuận	05/02/2004	Nam	
10T	40	103957	Nguyễn Tấn Thuận	17/05/2004	Nam	
10T	41	131796	Huỳnh Hà Anh Thư	05/08/2004	Nữ	
10T	42	91838	Lê Minh Tiến	11/07/2004	Nam	
10T	43	133074	Nguyễn Nữ Hương Trà	22/12/2004	Nữ	
10T	44	95521	Mai Khánh Trình	06/12/2004	Nam	
10T	45	120196	Nguyễn Trọng	23/03/2004	Nam	
10T	46	103443	Nguyễn Thành Trung	08/03/2004	Nam	
10T	47	131992	Nguyễn Lê Nhật Uyên	13/03/2004	Nữ	
10T	48	91881	Giã Phương Vy	18/07/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10L1	1	101563	Lê Nguyễn Minh An	02/09/2004	Nữ	
10L1	2	90038	Lương Thị Mai Anh	11/09/2004	Nữ	
10L1	3	101631	Phạm Nguyễn Phan Anh	02/08/2004	Nữ	
10L1	4	91533	Nguyễn Vũ Quê Anh	18/09/2004	Nữ	
10L1	5	90033	Lê Nguyễn Trâm Anh	16/10/2004	Nữ	
10L1	6	90102	Đỗ Ngọc Bảo Châu	27/11/2004	Nữ	
10L1	7	130989	Lê Nguyễn Kim Chuẩn	24/05/2004	Nam	
10L1	8	130995	Trần Việt Cường	14/12/2004	Nam	
10L1	9	91212	Lê Võ Tấn Dũng	07/12/2004	Nam	
10L1	10	95856	Nguyễn Đăng Ngọc Duyên	22/10/2004	Nữ	
10L1	11	120333	Đinh Đăng Tiến Đạt	07/07/2004	Nam	
10L1	12	132329	Hoàng Nguyễn Tuyết Hằng	22/08/2004	Nữ	
10L1	13	132362	Nguyễn Hữu Hòa	17/11/2004	Nam	
10L1	14	90257	Nguyễn Anh Huy	03/09/2004	Nam	
10L1	15	91622	Phạm Nguyễn Trí Hưng	24/05/2004	Nam	
10L1	16	131293	Phạm Đình Khôi	26/03/2004	Nam	
10L1	17	101956	Hoàng Minh Khôi	16/04/2004	Nam	
10L1	18	90367	Hoàng Ngọc Bảo Khuyên	29/11/2004	Nữ	
10L1	19	91277	Vũ Diệu Minh	06/12/2004	Nữ	
10L1	20	90444	Đinh Nhật Minh	01/09/2004	Nam	
10L1	21	95420	Từ Phạm Thanh Minh	12/09/2004	Nữ	
10L1	22	90501	Trần Kim Ngân	02/06/2004	Nữ	
10L1	23	120613	Trương Thị Giáng Ngọc	13/03/2004	Nữ	
10L1	24	134297	Nguyễn Phan Hoàng Nhật	12/02/2004	Nam	
10L1	25	91747	Võ Minh Nhật	30/01/2004	Nam	
10L1	26	90594	Phạm Quế Nhi	31/01/2004	Nữ	
10L1	27	92082	Nguyễn Tổ Như	12/06/2004	Nữ	
10L1	28	131567	Phan Hải Ninh	28/07/2004	Nam	
10L1	29	90622	Nguyễn Thúc Nguyên Phong	04/02/2004	Nam	
10L1	30	91767	Phạm Gia Phúc	13/04/2004	Nam	
10L1	31	132835	Nguyễn Đình Minh Quân	16/10/2004	Nam	
10L1	32	130472	Trịnh Ngọc Minh Quân	29/08/2004	Nam	
10L1	33	132883	Nguyễn Phước Sang	04/01/2004	Nam	
10L1	34	95685	Đinh Vũ Tiến Thịnh	20/08/2004	Nam	
10L1	35	132984	Thái Trí Thịnh	04/09/2004	Nam	
10L1	36	131789	Phạm Truyền Đăng Thông	10/01/2004	Nam	
10L1	37	90793	Nguyễn Duy Tiến	06/12/2004	Nam	
10L1	38	95718	Đỗ Thu Trang	07/04/2004	Nữ	
10L1	39	134890	Trần Hoàng Triễn	30/11/2004	Nam	
10L1	40	131929	Nguyễn Đặng Thanh Trúc	06/08/2003	Nữ	
10L1	41	95523	Tạ Nguyễn Thanh Trúc	30/12/2004	Nữ	
10L1	42	133137	Đỗ Thành Trung	04/12/2004	Nam	
10L1	43	95700	Võ Hà Vy	22/10/2004	Nữ	
10L1	44	100597	Tôn Nữ Yến Vy	17/04/2004	Nữ	
10L1	45	90919	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân	24/02/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10L2	1	90073	Trần Duy Anh	14/05/2004	Nam	
10L2	2	129826	Nguyễn Thụy Thùy Anh	04/08/2004	Nữ	
10L2	3	90067	Phạm Tuấn Anh	05/01/2004	Nam	
10L2	4	144837	Nguyễn Quỳnh Chi	06/01/2004	Nữ	
10L2	5	91568	Lê Đông Du	25/04/2004	Nam	
10L2	6	90153	Trương Nguyễn Thùy Dương	21/09/2004	Nữ	
10L2	7	90228	Đặng Việt Hoàng	05/10/2004	Nam	
10L2	8	131167	Trần Nguyễn Vũ Hoàng	16/10/2004	Nam	
10L2	9	90240	Đặng Gia Hưng	16/01/2004	Nam	
10L2	10	130184	Huỳnh Kim Liên	13/01/2004	Nữ	
10L2	11	92007	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	13/11/2004	Nữ	
10L2	12	132540	Cải Ngọc Minh Lộc	28/09/2004	Nam	
10L2	13	132543	Nguyễn Thanh Thiên Lộc	04/01/2004	Nam	
10L2	14	131410	Vũ Công Minh	27/09/2004	Nam	
10L2	15	90462	Nguyễn Quang Minh	11/11/2004	Nam	
10L2	16	130257	Nguyễn Trương Vĩnh Kim Mỹ	29/02/2004	Nữ	
10L2	17	93450	Lâm Ngọc Phương Nghi	13/10/2004	Nữ	
10L2	18	90604	Lê Thị Bảo Như	28/01/2004	Nữ	
10L2	19	131561	Nguyễn Trần Quỳnh Như	28/06/2004	Nữ	
10L2	20	131576	Nguyễn Lê Hoài Phát	20/03/2004	Nam	
10L2	21	131570	Cao Hoàng Phát	30/10/2004	Nam	
10L2	22	103847	Nguyễn Vĩnh Phước	25/05/2004	Nam	
10L2	23	95471	Lương Thị Minh Phượng	01/05/2004	Nữ	
10L2	24	102949	Dư Anh Quân	11/05/2004	Nam	
10L2	25	90655	Cao Hoàng Quân	21/03/2004	Nam	
10L2	26	102951	Nguyễn Hoàng Quân	11/10/2004	Nam	
10L2	27	90654	Khuong Vũ Minh Quân	18/10/2004	Nam	
10L2	28	90678	Biện Ngọc Diễm Quỳnh	16/01/2004	Nữ	
10L2	29	132892	Phan Trí Sơn	29/11/2004	Nam	
10L2	30	95488	Võ Thiên Thanh	23/08/2004	Nữ	
10L2	31	102987	Nguyễn Thiện	30/07/2004	Nam	
10L2	32	131791	Đỗ Minh Thư	18/11/2004	Nữ	
10L2	33	90760	Lý Ngọc Quỳnh Thư	18/06/2004	Nữ	
10L2	34	90796	Phan Thân Trọng Tín	06/11/2004	Nam	
10L2	35	131914	Trần Huỳnh Trí	09/04/2004	Nam	
10L2	36	91857	Tô Phương Cát Triệu	30/06/2004	Nữ	
10L2	37	90839	Lương Trần Minh Trọng	08/09/2004	Nam	
10L2	38	106421	Lê Nhân Trung	31/01/2004	Nam	
10L2	39	90850	Mai Quốc Trung	27/03/2004	Nam	
10L2	40	130794	Phạm Thiên Vũ	07/08/2004	Nam	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10HS	1	144771	Trần Minh An	26/03/2004	Nam	
10HS	2	95554	Nguyễn Hoàng Anh	07/03/2004	Nam	
10HS	3	91530	Nguyễn Hồ Mai Anh	18/12/2004	Nữ	
10HS	4	130924	Nguyễn Minh Anh	28/09/2004	Nữ	
10HS	5	102705	Nguyễn Hoài Bắc	22/06/2004	Nam	
10HS	6	94175	Hầu Trịnh Đông Các	16/05/2004	Nữ	
10HS	7	121056	Bùi Thùy Chi	05/12/2004	Nữ	
10HS	8	91426	Trần Đại Dương	09/08/2004	Nam	
10HS	9	144843	Nguyễn Quang Đại	27/07/2004	Nam	
10HS	10	95330	Nguyễn Như Linh Đan	19/09/2004	Nữ	
10HS	11	101811	Bùi Minh Hạnh	23/12/2004	Nữ	
10HS	12	132400	Lê Phan Bảo Huy	26/05/2004	Nam	
10HS	13	91631	Nguyễn Hoàng Huy	03/07/2004	Nam	
10HS	14	131225	Lê Thu Huyền	10/11/2004	Nữ	
10HS	15	91008	Nguyễn Ngọc Hoàng Khang	06/02/2004	Nam	
10HS	16	133888	Trần Hoàng Uyên Khanh	05/09/2004	Nữ	
10HS	17	130122	Bỳ Bích Khê	03/10/2004	Nữ	
10HS	18	91654	Nguyễn Anh Khoa	13/11/2004	Nam	
10HS	19	131298	Nguyễn Minh Khuê	16/09/2004	Nữ	
10HS	20	90383	Nguyễn Lê Hoàng Lam	14/01/2004	Nam	
10HS	21	132523	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	12/09/2004	Nữ	
10HS	22	132525	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	03/01/2004	Nữ	
10HS	23	91040	Trần Phương Linh	26/10/2004	Nữ	
10HS	24	102851	Nguyễn Thùy Linh	04/12/2004	Nữ	
10HS	25	95711	Vũ Thùy Linh	29/07/2004	Nữ	
10HS	26	91052	Vũ Khánh Minh	06/11/2004	Nữ	
10HS	27	91045	Đỗ Quang Minh	01/03/2004	Nam	
10HS	28	145080	Bùi Thế Nam	04/04/2004	Nam	
10HS	29	91059	Nguyễn Phạm Hoàng Ngân	14/05/2004	Nữ	
10HS	30	92039	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	15/01/2004	Nữ	
10HS	31	90512	Nguyễn Hoàng Thảo Nghi	12/08/2004	Nữ	
10HS	32	131465	Nguyễn Như Nghĩa	06/07/2004	Nữ	
10HS	33	131497	Nguyễn Thanh Nguyên	06/04/2004	Nữ	
10HS	34	91079	Nguyễn Ngọc Khánh Nhi	02/10/2004	Nữ	
10HS	35	91490	Phạm Minh Nguyệt Quế	09/06/2004	Nữ	
10HS	36	145223	Lã Thị Thu Quỳnh	18/09/2004	Nữ	
10HS	37	102988	Nguyễn Thịnh	24/01/2004	Nam	
10HS	38	134741	Nguyễn Ngọc Minh Thư	14/06/2004	Nữ	
10HS	39	91505	Nguyễn Minh Thư	04/04/2004	Nữ	
10HS	40	95625	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	03/01/2004	Nữ	
10HS	41	138278	Huỳnh Thị Bảo Trân	03/10/2004	Nữ	
10HS	42	91855	Trần Võ Minh Trí	01/07/2004	Nam	
10HS	43	91155	Nguyễn Công Triết	16/02/2004	Nam	
10HS	44	91515	Lê Hoàng Mỹ Tường	06/09/2004	Nữ	
10HS	45	91164	Hồ Phương Uyên	26/05/2004	Nữ	
10HS	46	95537	Nguyễn Thanh Vân	14/12/2004	Nữ	
10HS	47	132018	Nguyễn Quang Vinh	07/10/2004	Nam	
10HS	48	102559	Bùi Quốc Vương	24/03/2004	Nam	
10HS	49	110558	Trần Vũ Tường Vy	27/08/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10TNTC1	1	130842	Nguyễn Hoàng Gia An	21/07/2004	Nam	
10TNTC1	2	144772	Trần Sứ Hòa An	29/02/2004	Nữ	
10TNTC1	3	90057	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	14/05/2004	Nữ	
10TNTC1	4	100045	Vũ Tuấn Anh	26/02/2004	Nam	
10TNTC1	5	90015	Nguyễn Bảo Ân	19/04/2004	Nam	
10TNTC1	6	102714	Giáp Hoàng Bình	24/12/2004	Nam	
10TNTC1	7	102719	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	03/05/2004	Nữ	
10TNTC1	8	100125	Phạm Vũ Hải	14/07/2004	Nam	
10TNTC1	9	104328	Nguyễn Hoàng Gia Hân	17/02/2004	Nữ	
10TNTC1	10	101825	Hoàng Quang Hiếu	02/07/2004	Nam	
10TNTC1	11	132393	Trần Ngọc Hương	19/05/2004	Nữ	
10TNTC1	12	95768	Nguyễn Đình Khải	15/01/2004	Nam	
10TNTC1	13	100194	Nguyễn Hoàng Khang	12/01/2004	Nam	
10TNTC1	14	95388	Phạm Phú Khang	23/09/2004	Nam	
10TNTC1	15	130163	Nguyễn Hoàng Trung Kiên	10/01/2004	Nam	
10TNTC1	16	95403	Nguyễn Ngô Hoàng Kim	14/10/2004	Nữ	
10TNTC1	17	130183	Trần Ngô Trúc Lan	08/04/2004	Nữ	
10TNTC1	18	132531	Phan Ngọc Khánh Linh	31/07/2004	Nữ	
10TNTC1	19	131350	Đặng Phạm Xuân Lộc	17/04/2004	Nam	
10TNTC1	20	102092	Trần Hải Minh	24/06/2004	Nam	
10TNTC1	21	131430	Trần Nhật Nam	21/03/2004	Nam	
10TNTC1	22	132611	Đoàn Nguyễn Phương Nam	03/02/2004	Nam	
10TNTC1	23	131437	Hoàng Kim Ngân	18/07/2004	Nữ	
10TNTC1	24	90576	Trương Quang Nhật	25/05/2004	Nam	
10TNTC1	25	102195	Lê Nguyễn Yến Nhi	27/11/2004	Nữ	
10TNTC1	26	130381	Nguyễn Hoàng Bảo Như	27/08/2004	Nữ	
10TNTC1	27	102923	Tô Hoàng Thanh Như	23/11/2004	Nữ	
10TNTC1	28	95454	Nguyễn Hoàng Oanh	03/03/2004	Nữ	
10TNTC1	29	95462	Lê Công Phúc	24/04/2004	Nam	
10TNTC1	30	102943	Hồ Thị Uyên Phương	22/07/2004	Nữ	
10TNTC1	31	90671	Nguyễn Ái Quốc	27/09/2004	Nam	
10TNTC1	32	102317	Nguyễn Ngọc Tú Quyên	13/05/2004	Nữ	
10TNTC1	33	132867	Trần Hồng Quyền	11/06/2004	Nam	
10TNTC1	34	90701	Vũ Phúc Tài	30/10/2004	Nam	
10TNTC1	35	100460	Võ Minh Thắng	02/05/2004	Nam	
10TNTC1	36	103389	Phạm Đức Thịnh	18/07/2004	Nam	
10TNTC1	37	91135	Lê Nguyễn Minh Thư	09/01/2004	Nữ	
10TNTC1	38	105076	Kỷ Phương Thy	02/03/2004	Nữ	
10TNTC1	39	130659	Lê Vũ Ngọc Trâm	21/09/2004	Nữ	
10TNTC1	40	130694	Huỳnh Quốc Triệu	01/07/2004	Nam	
10TNTC1	41	102496	Trần Thị Thanh Trúc	17/11/2004	Nữ	
10TNTC1	42	131942	Nguyễn Đức Trung	07/04/2004	Nam	
10TNTC1	43	103447	Nguyễn Anh Tú	08/08/2004	Nam	
10TNTC1	44	103062	Hồ Ngọc Lan Uyên	21/07/2004	Nữ	
10TNTC1	45	103463	Nguyễn Bình Phương Uyên	29/04/2004	Nữ	
10TNTC1	46	90888	Nguyễn Gia Vinh	13/11/2004	Nam	
10TNTC1	47	102563	Đoàn Đan Vy	04/08/2004	Nữ	
10TNTC1	48	103084	Nguyễn Thị Duy Xuyên	07/12/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10TNTC2	1	90004	Lê Quốc An	03/03/2004	Nam	
10TNTC2	2	90068	Phan Huỳnh Duy Anh	05/01/2004	Nam	
10TNTC2	3	90053	Nguyễn Ngọc Lan Anh	23/03/2004	Nữ	
10TNTC2	4	91534	Trần Ngọc Thiên Anh	08/02/2004	Nữ	
10TNTC2	5	138522	Ngô Việt Anh	15/11/2004	Nữ	
10TNTC2	6	91953	Trương Quỳnh Giang	22/03/2004	Nữ	
10TNTC2	7	90192	Phan Trần Hải	24/04/2004	Nam	
10TNTC2	8	95363	Bùi Minh Hằng	30/09/2004	Nữ	
10TNTC2	9	91221	Phan Võ Bảo Hân	25/08/2004	Nữ	
10TNTC2	10	91612	Lý Huy Hoàng	06/03/2004	Nam	
10TNTC2	11	90236	Nguyễn Việt Hoàng	03/11/2004	Nam	
10TNTC2	12	91626	Hồ Minh Huy	13/12/2004	Nam	
10TNTC2	13	90315	Phạm Quốc Khánh	31/08/2004	Nam	
10TNTC2	14	131272	Nguyễn Đắc Anh Khoa	31/01/2004	Nam	
10TNTC2	15	90398	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	12/03/2004	Nữ	
10TNTC2	16	95786	Trương Nguyễn Minh Mẫn	10/04/2004	Nam	
10TNTC2	17	90446	Đỗ Thị Ngọc Minh	06/08/2004	Nữ	
10TNTC2	18	131408	Trương Tuấn Minh	13/01/2004	Nam	
10TNTC2	19	91462	Vương Tuệ Minh	01/01/2004	Nữ	
10TNTC2	20	90485	Đoàn Phùng Hải Nam	05/06/2004	Nam	
10TNTC2	21	91465	Hoàng Thái Bảo Ngân	14/08/2004	Nữ	
10TNTC2	22	95429	Nguyễn Đức Nghi	04/12/2004	Nữ	
10TNTC2	23	90519	Lê Quang Nghĩa	24/12/2004	Nam	
10TNTC2	24	90528	Lâm Thị Bảo Ngọc	26/09/2004	Nữ	
10TNTC2	25	91737	Trần Khôi Nguyên	04/08/2004	Nam	
10TNTC2	26	102181	Trần Ngọc Thanh Nhã	03/10/2004	Nữ	
10TNTC2	27	90625	Nghiêm Gia Phúc	11/08/2004	Nam	
10TNTC2	28	134442	Lê Vĩnh Phước	26/08/2004	Nam	
10TNTC2	29	95466	Lê Thị Như Phương	28/01/2004	Nữ	
10TNTC2	30	90637	Ngô Quỳnh Trúc Phương	28/07/2004	Nữ	
10TNTC2	31	130445	Dương Uyên Phương	16/01/2004	Nữ	
10TNTC2	32	102293	Lý Anh Quân	16/02/2004	Nam	
10TNTC2	33	90674	Cao Kiều Thục Quyên	11/09/2004	Nữ	
10TNTC2	34	92113	Nguyễn Vũ Cát Quỳnh	13/09/2004	Nữ	
10TNTC2	35	91794	Nguyễn Thế Anh Tài	15/10/2004	Nam	
10TNTC2	36	90699	Trần Minh Tài	05/05/2004	Nam	
10TNTC2	37	101298	Đào Nguyễn Hiếu Thảo	11/04/2004	Nữ	
10TNTC2	38	90716	Lê Quang Thắng	07/09/2004	Nam	
10TNTC2	39	90742	Trần Thuận Thiên	11/08/2004	Nam	
10TNTC2	40	91131	Phan Chiêm Thịnh	03/12/2004	Nam	
10TNTC2	41	133085	Lê Gia Bảo Trân	11/11/2004	Nữ	
10TNTC2	42	92980	Lê Hoàng Công Trí	12/07/2004	Nam	
10TNTC2	43	90833	Nguyễn Minh Trí	17/05/2004	Nam	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10TN1	1	102699	Trương Khiết Anh	02/03/2004	Nữ	
10TN1	2	90059	Nguyễn Như Tinh Anh	23/06/2004	Nam	
10TN1	3	129786	Bùi Ngọc Trâm Anh	07/08/2004	Nữ	
10TN1	4	130916	Trần Thị Vân Anh	27/02/2004	Nữ	
10TN1	5	129783	Trần Gia Ân	13/03/2004	Nữ	
10TN1	6	91541	Lương Hoàng Bảo	26/03/2004	Nam	
10TN1	7	95741	Vũ Thành Danh	06/09/2004	Nam	
10TN1	8	91582	Vũ Quý Dương	20/08/2004	Nam	
10TN1	9	129983	Lê Anh Hào	26/12/2004	Nam	
10TN1	10	132340	Nguyễn Hoàng Thanh Hậu	08/11/2004	Nam	
10TN1	11	131197	Bùi Gia Huy	04/03/2004	Nam	
10TN1	12	90270	Trần Vũ Gia Huy	13/05/2004	Nam	
10TN1	13	102799	Cao Minh Hương	30/03/2004	Nữ	
10TN1	14	130073	Trà Minh Hy	04/05/2004	Nam	
10TN1	15	104453	Lại Vĩnh Khang	06/04/2004	Nam	
10TN1	16	130108	Nguyễn Vương Mai Khanh	08/04/2004	Nữ	
10TN1	17	131276	Nguyễn Trần Khoa	21/06/2004	Nam	
10TN1	18	90346	Lê Minh Khôi	13/05/2004	Nam	
10TN1	19	92024	Từ Khánh Minh	12/01/2004	Nữ	
10TN1	20	91058	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/10/2004	Nữ	
10TN1	21	103297	Nguyễn Thị Kim Ngọc	14/02/2004	Nữ	
10TN1	22	131513	Hứa Hoàng Nhật	22/06/2004	Nam	
10TN1	23	91749	Nguyễn Trương Công Nhị	28/10/2004	Nam	
10TN1	24	104876	Phạm Nguyễn Hoàng Phúc	26/08/2004	Nam	
10TN1	25	91759	Huỳnh Minh Phúc	10/02/2004	Nam	
10TN1	26	Chtruong	Hoàng Anh Quân	20/10/2004	Nam	
10TN1	27	131644	Dương Bảo Phương Quân	07/04/2004	Nữ	
10TN1	28	102950	Hồ Ngọc Trung Quân	08/05/2004	Nam	
10TN1	29	131674	Nguyễn Thị Kim Quý	23/08/2004	Nữ	
10TN1	30	102961	Phan Minh Sang	14/11/2004	Nữ	
10TN1	31	132969	Phan Thanh Thiện	09/07/2004	Nam	
10TN1	32	103933	Nguyễn Minh Thiện	27/08/2004	Nam	
10TN1	33	91811	Vũ Thái Thiện	02/10/2004	Nam	
10TN1	34	103965	Lê Thanh Thùy	12/07/2004	Nữ	
10TN1	35	90771	Trần Hoàng Anh Thư	12/01/2004	Nữ	
10TN1	36	102426	Phan Trần Anh Thư	01/02/2004	Nữ	
10TN1	37	91333	Phạm Trần Thủy Tiên	28/05/2004	Nữ	
10TN1	38	130648	Phạm Minh Tiến	02/01/2004	Nam	
10TN1	39	131872	Nguyễn Ngọc Hương Trà	16/03/2004	Nữ	
10TN1	40	90831	Nguyễn Đức Minh Trí	26/10/2004	Nam	
10TN1	41	131940	Nguyễn Công Thành Trung	24/11/2004	Nam	
10TN1	42	90869	Ngô Mỹ Uyên	26/09/2004	Nữ	
10TN1	43	102533	Hồ Ngọc Thanh Uyên	23/07/2004	Nữ	
10TN1	44	92183	Huỳnh Ngọc Vân	11/02/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10TN2	1	132068	Mai Nguyễn Phúc An	10/05/2004	Nam	
10TN2	2	102669	Trần Thiên An	04/01/2004	Nữ	
10TN2	3	90082	Đỗ Ngọc Ánh	03/12/2004	Nữ	
10TN2	4	132183	Lâm Bảo Châu	04/10/2004	Nữ	
10TN2	5	129909	Phạm Ngọc Diệp	05/01/2004	Nữ	
10TN2	6	132266	Lê Hoàng Anh Duy	19/07/2004	Nam	
10TN2	7	102747	Trần Lạc Duy	20/09/2004	Nam	
10TN2	8	91244	Nguyễn Nhứt Huy Khang	14/12/2004	Nam	
10TN2	9	91642	Nguyễn Phúc Khang	06/01/2004	Nam	
10TN2	10	147455	Vũ Hoàng Minh Khánh	17/05/2004	Nam	
10TN2	11	131270	Lương Đoàn Anh Khoa	31/05/2004	Nam	
10TN2	12	101939	Bùi Lê Anh Khoa	28/08/2004	Nam	
10TN2	13	132467	Nguyễn Phước Đăng Khoa	20/07/2004	Nam	
10TN2	14	131285	Trương Đình Khoa	12/07/2004	Nam	
10TN2	15	91668	Trương Anh Khôi	06/01/2004	Nam	
10TN2	16	103239	Lê Hoàng Kim	08/05/2004	Nữ	
10TN2	17	133982	Trần Thị Mỹ Kim	17/02/2004	Nữ	
10TN2	18	94255	Lê Quang Hiên Lâm	24/04/2004	Nam	
10TN2	19	103266	Nguyễn Phạm Duy Mẫn	17/11/2004	Nam	
10TN2	20	92020	Đỗ Ngọc Đăng Minh	28/04/2004	Nữ	
10TN2	21	102096	Vũ Quang Minh	21/11/2004	Nam	
10TN2	22	102099	Lê Phương Hà My	25/02/2004	Nữ	
10TN2	23	132698	Thạch Nhân	24/03/2004	Nam	
10TN2	24	130362	Phạm Nguyễn Ái Nhi	28/06/2004	Nữ	
10TN2	25	103309	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	04/12/2004	Nữ	
10TN2	26	121432	Mai Lương Trọng Phúc	01/03/2004	Nam	
10TN2	27	102272	Nguyễn Đặng Uyên Phương	15/11/2004	Nữ	
10TN2	28	132849	Nguyễn Minh Quang	09/03/2004	Nam	
10TN2	29	131654	Nguyễn Minh Quân	21/07/2004	Nam	
10TN2	30	139576	Phan Ngọc Trúc Quân	06/11/2004	Nữ	
10TN2	31	132861	Huỳnh Hoàng Quý	15/01/2004	Nam	
10TN2	32	95716	Nguyễn Đỗ Quyền	09/01/2004	Nữ	
10TN2	33	90692	Hồ Thái Sơn	11/09/2004	Nam	
10TN2	34	121504	Đào Mỹ Tâm	27/03/2004	Nữ	
10TN2	35	132919	Vũ Thiên Tân	05/06/2004	Nam	
10TN2	36	91122	Nguyễn Thiện Thành	25/02/2004	Nam	
10TN2	37	103976	Nguyễn Minh Tiến	14/01/2004	Nam	
10TN2	38	95833	Nguyễn Minh Trí	21/10/2004	Nam	
10TN2	39	91342	Nguyễn Minh Trí	21/04/2004	Nam	
10TN2	40	133127	Lê Ngọc Trúc	22/02/2004	Nữ	
10TN2	41	133142	Nguyễn Thành Trung	12/04/2004	Nam	
10TN2	42	93525	Lê Hoàng Việt	02/07/2004	Nam	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10TN3	1	129806	Lưu Nguyễn Lan Anh	06/06/2004	Nữ	
10TN3	2	129849	Hoàng Dương Gia Bảo	02/01/2004	Nam	
10TN3	3	133397	Đào Trọng Gia Bảo	11/09/2004	Nam	
10TN3	4	132168	Trương Điền Quốc Bảo	25/01/2004	Nam	
10TN3	5	90112	Nguyễn Thụy Chi	22/12/2004	Nữ	
10TN3	6	132268	Nguyễn Đông Duy	01/02/2004	Nam	
10TN3	7	91929	Vương Hiếu Đan	22/06/2004	Nữ	
10TN3	8	101779	Lê Khánh Giang	29/10/2004	Nữ	
10TN3	9	129992	Vô Đức Hiền	31/03/2004	Nam	
10TN3	10	147399	Dương Minh Hiếu	16/10/2004	Nam	
10TN3	11	132361	Lưu Đức Hòa	26/02/2004	Nam	
10TN3	12	131183	Trần Thế Hùng	09/01/2004	Nam	
10TN3	13	90263	Nguyễn Minh Bảo Huy	10/04/2004	Nam	
10TN3	14	95583	Trần Nhật Huy	03/07/2004	Nam	
10TN3	15	132440	Phạm Duy Khang	18/02/2004	Nam	
10TN3	16	131273	Nguyễn Đăng Khoa	22/03/2004	Nam	
10TN3	17	131264	Chung Quang Đăng Khoa	03/05/2004	Nam	
10TN3	18	131290	Lê Minh Khôi	22/03/2004	Nam	
10TN3	19	103235	Trần Lê Minh Khôi	13/09/2004	Nam	
10TN3	20	95781	Nguyễn Hoàng Trúc Linh	24/12/2004	Nữ	
10TN3	21	91041	Nguyễn Tấn Lộc	05/12/2004	Nam	
10TN3	22	91048	Phan Nam Tuấn Minh	02/01/2004	Nam	
10TN3	23	91717	Dương Ngô Kiều Ngân	20/04/2003	Nữ	
10TN3	24	91075	Nguyễn Minh Nhật	25/05/2004	Nam	
10TN3	25	132735	Nguyễn Minh Như	20/01/2004	Nữ	
10TN3	26	130420	Đậu Anh Phúc	15/08/2004	Nam	
10TN3	27	145209	Nguyễn Thị Mai Phương	01/12/2004	Nữ	
10TN3	28	131640	Trần Uyên Phương	11/06/2004	Nữ	
10TN3	29	91493	Mai Hoàng Băng Tâm	03/12/2004	Nữ	
10TN3	30	132992	Huỳnh Duy Thống	20/01/2004	Nam	
10TN3	31	130593	Mai Hoàng Anh Thư	18/10/2004	Nữ	
10TN3	32	131844	Đinh Vũ Thủy Tiên	04/02/2004	Nữ	
10TN3	33	133060	Nguyễn Như Tiết	28/08/2004	Nữ	
10TN3	34	131861	Trần Trọng Tín	04/11/2004	Nam	
10TN3	35	131913	Phan Trọng Trí	03/10/2004	Nam	
10TN3	36	130689	Huỳnh Hoàng Triết	29/09/2004	Nam	
10TN3	37	133120	Bùi Thanh Trúc	28/01/2004	Nữ	
10TN3	38	104024	Huỳnh Hoàng Tú	24/11/2004	Nam	
10TN3	39	133188	Nguyễn Đặng Nghi Uyên	28/10/2004	Nữ	
10TN3	40	92182	Hồ Anh Cát Vân	15/08/2004	Nữ	
10TN3	41	133216	Đỗ Cao Thúy Vi	30/01/2004	Nữ	
10TN3	42	102594	Lê Hoàng Yến	26/04/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10TN4	1	102665	Lê Như An	18/08/2004	Nữ	
10TN4	2	90010	Trần Nguyễn Phương An	05/10/2004	Nữ	
10TN4	3	101567	Nguyễn Thanh An	20/01/2004	Nam	
10TN4	4	130865	Hàng Mỹ Anh	06/05/2004	Nữ	
10TN4	5	130910	Quách Phương Anh	04/07/2004	Nữ	
10TN4	6	132124	Nguyễn Tuấn Anh	27/09/2004	Nam	
10TN4	7	137048	Phan Kim Gia Bảo	01/11/2004	Nam	
10TN4	8	130944	Nguyễn Thiên Bảo	30/09/2004	Nam	
10TN4	9	132172	Cái Vũ Xuân Bình	03/01/2004	Nữ	
10TN4	10	132194	Trần Lê Chuẩn	02/08/2004	Nam	
10TN4	11	129882	Nguyễn Công Cường	17/02/2004	Nam	
10TN4	12	119658	Tô Đức Duy	26/08/2004	Nam	
10TN4	13	102743	Mai Quý Dương	15/08/2004	Nam	
10TN4	14	90206	Trần Thị Gia Hân	29/04/2004	Nữ	
10TN4	15	91636	Vũ Đức Huy	03/05/2004	Nam	
10TN4	16	131206	Lê Hoàng Huy	09/04/2004	Nam	
10TN4	17	102809	Trần Dịu Huyền	20/11/2004	Nữ	
10TN4	18	104401	Nguyễn Hoàng Hưng	22/03/2004	Nam	
10TN4	19	91638	Nguyễn Lê Gia Hy	06/04/2004	Nam	
10TN4	20	132432	Huỳnh Phúc Khang	25/03/2004	Nam	
10TN4	21	90301	Huỳnh Lê Uyên Khanh	16/01/2004	Nữ	
10TN4	22	131325	Đỗ Thanh Liêm	20/12/2004	Nam	
10TN4	23	103677	Đỗ Nhật Linh	21/07/2004	Nam	
10TN4	24	95598	Bùi Nguyễn Quỳnh Mai	17/07/2004	Nữ	
10TN4	25	131401	Nguyễn Huỳnh Nhật Minh	06/09/2004	Nam	
10TN4	26	131429	Phạm Cao Nhật Nam	01/11/2004	Nam	
10TN4	27	131432	Nguyễn Yến Nga	25/04/2004	Nữ	
10TN4	28	9079	Nguyễn Hồ Khánh Nguyên	38300	Nam	
10TN4	29	131560	Nguyễn Thị Quỳnh Như	26/09/2004	Nữ	
10TN4	30	132846	Huỳnh Khánh Quang	22/11/2004	Nam	
10TN4	31	130463	Dương Mỹ Lê Quân	02/03/2004	Nam	
10TN4	32	102955	Tôn Thất Quý	24/10/2004	Nam	
10TN4	33	95481	Lê Mai Quỳnh	10/09/2004	Nữ	
10TN4	34	90712	Trần Duy Tân	24/12/2004	Nam	
10TN4	35	90735	Nguyễn Phương Thảo	16/12/2004	Nữ	
10TN4	36	90791	Trần Nguyễn Cát Tiên	29/06/2004	Nữ	
10TN4	37	92959	Trần Thị Thủy Tiên	07/03/2004	Nữ	
10TN4	38	120912	Trương Nguyễn Nhã Trúc	17/09/2004	Nữ	
10TN4	39	91166	Ngô Phi Uyên	23/09/2004	Nữ	
10TN4	40	103064	Lê Thị Bích Vân	24/04/2004	Nữ	
10TN4	41	91877	Bùi Trần Huy Vũ	23/01/2004	Nam	
10TN4	42	138454	Đào Ngọc Tường Vy	17/02/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10XH1	1	103092	Nguyễn Võ Thy An	09/02/2004	Nữ	
10XH1	2	95315	Trần Ngọc Anh	07/07/2004	Nữ	
10XH1	3		Nguyễn Thị Vân Anh	07/05/2004	Nữ	
10XH1	4	130947	Phạm Thanh Gia Bảo	22/06/2004	Nam	
10XH1	5	102720	Nguyễn Minh Châu	03/08/2004	Nữ	
10XH1	6	90133	Nguyễn Khánh Di	14/04/2004	Nữ	
10XH1	7	100096	Nguyễn Ngọc Dung	01/02/2004	Nữ	
10XH1	8	131092	Trần Thanh Hà	02/03/2004	Nữ	
10XH1	9	90195	Đào Gia Hân	16/06/2004	Nữ	
10XH1	10	131108	Nguyễn Ngọc Hân	25/09/2004	Nữ	
10XH1	11	131248	Trương Nguyên Khang	05/05/2004	Nam	
10XH1	12	90317	Trần Lưu Gia Khánh	14/04/2004	Nữ	
10XH1	13	90314	Phạm Đình Ngọc Khánh	14/07/2004	Nữ	
10XH1	14	103225	Hồ Dương Đăng Khoa	07/08/2004	Nam	
10XH1	15	90377	Trần Tuấn Kiệt	21/02/2004	Nam	
10XH1	16	90378	Huỳnh Đăng Thiên Kim	29/01/2004	Nữ	
10XH1	17	94257	Nguyễn Hoàng Ngọc Lân	26/01/2004	Nam	
10XH1	18	131364	Huỳnh Ngọc Kiều Long	23/02/2004	Nữ	
10XH1	19	95415	Hà Triệu Mẫn	14/03/2004	Nữ	
10XH1	20	90470	Vũ Xuân Hồng Minh	06/02/2004	Nữ	
10XH1	21	90475	Lê Ái My	22/02/2004	Nữ	
10XH1	22	90474	Đỗ Ngọc Trà My	01/02/2004	Nữ	
10XH1	23	90515	Phan Thụy Hiếu Nghi	21/05/2004	Nữ	
10XH1	24	92722	Nguyễn Trương Bảo Ngọc	26/04/2004	Nữ	
10XH1	25	90552	Nguyễn Lê Tường Nguyên	30/01/2004	Nữ	
10XH1	26	95440	Hoàng Ngọc Nhi	06/06/2004	Nữ	
10XH1	27	90586	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	27/03/2004	Nữ	
10XH1	28	103316	Trương Nguyễn Uyên Nhi	14/03/2004	Nữ	
10XH1	29	90590	Nguyễn Yên Nhi	15/09/2004	Nữ	
10XH1	30	92080	Nguyễn Can Uyên Nhu	05/03/2004	Nữ	
10XH1	31	90617	Ngô Nguyễn Trường Phát	29/03/2004	Nam	
10XH1	32	131641	Trương Ngọc Uyên Phương	12/06/2004	Nữ	
10XH1	33	92853	Mai Trúc Phương Quỳnh	16/10/2004	Nữ	
10XH1	34	92136	Trần Hoàng Anh Thư	09/01/2004	Nữ	
10XH1	35	120148	Nguyễn Ngọc Bảo Thư	19/01/2004	Nữ	
10XH1	36	90751	Nguyễn Minh Thư	03/01/2004	Nữ	
10XH1	37	90794	Nguyễn Minh Tiến	08/03/2004	Nam	
10XH1	38	90803	Trần An Toàn	22/10/2004	Nam	
10XH1	39	90817	Trần Nguyễn Bảo Trân	02/02/2004	Nữ	
10XH1	40	131897	Võ Quỳnh Chân Trân	12/08/2004	Nữ	
10XH1	41	90841	Hà Thanh Trúc	06/12/2004	Nữ	
10XH1	42	130726	Vũ Đình Tú	28/01/2004	Nam	
10XH1	43	130752	Nguyễn Ngọc Khánh Uyên	01/09/2004	Nữ	
10XH1	44	90868	Đặng Đức Minh Uyên	25/03/2004	Nữ	
10XH1	45	95534	Phạm Vũ Thục Uyên	17/08/2004	Nữ	
10XH1	46	132036	Nguyễn Lê Nhất Vy	06/04/2004	Nữ	
10XH1	47	95544	Lê Nguyễn Tường Vy	13/01/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10XH2	1	132065	Cái Vũ Xuân An	03/01/2004	Nữ	
10XH2	2	90024	Đỗ Hoàng Anh	21/06/2004	Nữ	
10XH2	3	129815	Nguyễn Lê Minh Anh	23/05/2004	Nữ	
10XH2	4	92253	Hoàng Phương Anh	30/10/2004	Nữ	
10XH2	5	102696	Trần Nguyễn Phương Anh	23/04/2004	Nữ	
10XH2	6	90034	Lê Tâm Anh	29/03/2004	Nữ	
10XH2	7	90016	Nguyễn Hồng Ân	20/12/2004	Nữ	
10XH2	8	130963	Trần Tiến Bình	12/09/2004	Nam	
10XH2	9	90105	Trần Gia Bảo Châu	08/03/2004	Nữ	
10XH2	10	90114	Trần Hoàng Bảo Chi	16/03/2004	Nữ	
10XH2	11	131049	Nguyễn Nhật Trùng Dương	24/02/2004	Nữ	
10XH2	12	120403	Lê Thị Diễm Hằng	11/02/2004	Nữ	
10XH2	13	92497	Huỳnh Nguyễn Quốc Hùng	14/09/2004	Nam	
10XH2	14	90286	Ngô Vĩnh Khang	06/07/2004	Nam	
10XH2	15	130113	Võ Hồ Mai Khanh	01/12/2004	Nữ	
10XH2	16	130105	Lê Nguyễn Mỹ Khanh	28/11/2004	Nữ	
10XH2	17	9193	Dương Thị Nguyên Khánh	14/04/2004	Nữ	
10XH2	18	92574	Nguyễn Ngọc Minh Khôi	26/05/2004	Nam	
10XH2	19	90349	Nguyễn Minh Khôi	06/04/2004	Nam	
10XH2	20	95398	Lê Lý Diệu Khuê	10/12/2004	Nữ	
10XH2	21	95397	Lê Đỗ Minh Khuê	27/08/2004	Nữ	
10XH2	22	Chtruong	Đỗ Ngọc Hương Linh	03/05/2004	Nữ	
10XH2	23	103249	Đặng Phan Khánh Linh	26/09/2004	Nữ	
10XH2	24	91034	Cao Thụy Khánh Linh	21/03/2004	Nữ	
10XH2	25	132526	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/02/2004	Nữ	
10XH2	26	9069	Trần Châu Minh	05/10/2004	Nữ	
10XH2	27	132582	Lê Minh	18/01/2004	Nam	
10XH2	28	102090	Phạm Phương Minh	06/03/2004	Nữ	
10XH2	29	131419	Nguyễn Kim Khánh My	11/05/2004	Nữ	
10XH2	30	131415	Lê Thị Thảo My	09/09/2004	Nữ	
10XH2	31	131456	Nguyễn Lê Phương Nghi	20/07/2004	Nữ	
10XH2	32	92077	Trương Nguyễn Ý Nhi	05/05/2004	Nữ	
10XH2	33	132817	Nguyễn Ngọc Phương	19/12/2004	Nữ	
10XH2	34	131678	Lê Tú Quyên	10/03/2004	Nữ	
10XH2	35	131718	Phạm Hoàng Tâm	02/01/2004	Nam	
10XH2	36	132938	Nguyễn Hoàng Mai Thanh	14/12/2004	Nữ	
10XH2	37	90736	Phan Ngọc Phương Thảo	08/12/2004	Nữ	
10XH2	38	103932	Nguyễn Lê Minh Thiện	24/02/2004	Nam	
10XH2	39	102390	Nguyễn Đức Thịnh	21/09/2004	Nam	
10XH2	40	92954	Nguyễn Ngọc Quỳnh Tiên	11/01/2004	Nữ	
10XH2	41	131842	Bùi Nguyễn Thủy Tiên	25/04/2004	Nữ	
10XH2	42	103975	Văn Thị Thủy Tiên	24/03/2004	Nữ	
10XH2	43	90816	Trần Bảo Trần	03/08/2004	Nữ	
10XH2	44	103427	Nguyễn Đình Minh Trí	18/05/2004	Nam	
10XH2	45	103455	Nguyễn Đình Minh Tuệ	18/05/2004	Nam	
10XH2	46	90885	Trần Ngọc Phương Vi	11/01/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10XH3	1	102666	Lê Thị Hoài An	10/06/2004	Nữ	
10XH3	2	103093	Tô Thị Ngọc An	15/05/2004	Nữ	
10XH3	3	102676	Huỳnh Thái Ngọc Anh	30/05/2004	Nữ	
10XH3	4	101630	Phạm Ngọc Phương Anh	30/12/2004	Nữ	
10XH3	5	130860	Đinh Quốc Anh	05/07/2004	Nam	
10XH3	6	130883	Nguyễn Hoàng Trâm Anh	04/07/2004	Nữ	
10XH3	7	130981	Đỗ Hoàng Diệu Chi	26/06/2004	Nữ	
10XH3	8	130984	Nguyễn Lan Chi	24/07/2004	Nữ	
10XH3	9	NT01	Nguyễn Xuân Dũng	38276	Nam	
10XH3	10	95853	Vũ Tiến Đạt	05/01/2004	Nam	
10XH3	11	90175	Nguyễn Hoài Yên Giang	04/07/2004	Nữ	
10XH3	12	131150	Lê Ngọc Quỳnh Hoa	06/01/2004	Nữ	
10XH3	13	91617	Nguyễn Khánh Hùng	17/01/2004	Nam	
10XH3	14	91982	Lê Đình Lan Khanh	16/07/2004	Nữ	
10XH3	15	90302	Ngô Hoàng Phương Khanh	16/01/2004	Nữ	
10XH3	16	132463	Đoàn Trần Minh Khoa	26/05/2004	Nam	
10XH3	17	95405	Trịnh Thị Tuyết Lan	05/08/2004	Nữ	
10XH3	18	95876	Trần Ngô Gia Linh	12/09/2004	Nữ	
10XH3	19	131344	Tổng Thảo Linh	23/11/2004	Nữ	
10XH3	20	103261	Hoàng Lê Bảo Long	29/05/2004	Nam	
10XH3	21	90431	Đỗ Hoàng Chi Mai	18/09/2004	Nữ	
10XH3	22	130246	Võ Đăng Minh	28/11/2004	Nam	
10XH3	23	90482	Đặng Thị Yên Nam	05/01/2003	Nữ	
10XH3	24	92688	Nguyễn Thị Hạnh Ngân	20/01/2004	Nữ	
10XH3	25	94309	Vũ Ngọc Phương Nghi	10/06/2004	Nữ	
10XH3	26	132673	Phạm Lê Hồng Ngọc	25/12/2004	Nữ	
10XH3	27	131483	Nguyễn Mai Khánh Ngọc	18/01/2004	Nữ	
10XH3	28	132670	Nguyễn Thanh Ngọc	27/10/2004	Nữ	
10XH3	29	90521	Ngô Tú Ngọc	21/05/2004	Nữ	
10XH3	30	130354	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	09/10/2004	Nữ	
10XH3	31	103818	Nguyễn Thị Hồng Nhung	17/06/2004	Nữ	
10XH3	32	95453	Nguyễn Nữ Nguyệt Ninh	03/10/2004	Nữ	
10XH3	33	102945	Nguyễn Nguyên Phương	29/06/2004	Nữ	
10XH3	34	90664	Trần Cao Quân	04/11/2004	Nam	
10XH3	35	90686	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	03/08/2004	Nữ	
10XH3	36	120032	Trần Thị Mỹ Tâm	01/01/2004	Nữ	
10XH3	37	131711	Huỳnh Nguyễn Thanh Tâm	11/08/2004	Nữ	
10XH3	38	90784	Trần Ngọc Hương Thùy	02/12/2004	Nữ	
10XH3	39	133092	Cao Ngọc Thu Trang	08/04/2004	Nữ	
10XH3	40	131980	Phan Thụy Thanh Tuyền	06/01/2004	Nữ	
10XH3	41	105203	Đinh Minh Uyên	13/12/2004	Nữ	
10XH3	42	90874	Nguyễn Phạm Phương Uyên	22/09/2004	Nữ	
10XH3	43	102564	Dương Hạ Vy	10/04/2004	Nữ	
10XH3	44	132032	Lê Ngô Khánh Vy	20/05/2004	Nữ	
10XH3	45	94489	Nguyễn Hoàng Yến Vy	01/01/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10TH1	1		Lê Nguyễn Minh Anh	30/11/2004	Nữ	
10TH1	2		Hoàng Ngọc Nghi Anh	13/01/2004	Nữ	
10TH1	3		Nguyễn Văn Anh	03/08/2004	Nữ	
10TH1	4		Trần Cao Gia Bảo	27/03/2004	Nam	
10TH1	5		Nguyễn Gia Bảo	21/09/2004	Nam	
10TH1	6		Trương Lê Quốc Bảo	14/07/2004	Nam	
10TH1	7		Nguyễn Thanh Bình	01/01/2004	Nam	
10TH1	8		Trương Nguyễn Khánh Đan	04/07/2004	Nữ	
10TH1	9		Lại Thu Giang	03/10/2004	Nữ	
10TH1	10		Lý Vĩnh Hòa	09/12/2004	Nam	
10TH1	11		Phạm Huỳnh	28/12/2004	Nam	
10TH1	12		Lê Hữu An Khang	14/06/2004	Nam	
10TH1	13		Nguyễn Phạm Duy Khang	01/01/2004	Nam	
10TH1	14		Lê Hoàng Khang	29/06/2004	Nam	
10TH1	15		Ngô Đình Ngọc Khánh	27/10/2004	Nữ	
10TH1	16		Trương Đình Phương Khôi	06/03/2004	Nam	
10TH1	17		Lê Phạm Anh Khuê	04/12/2004	Nữ	
10TH1	18		Trần Xuân Anh Khuê	21/11/2004	Nữ	
10TH1	19		Nguyễn Quế Lâm	01/01/2004	Nữ	
10TH1	20		Võ Hoàng Long	15/03/2004	Nam	
10TH1	21		Cao Lê Ánh Minh	06/06/2004	Nữ	
10TH1	22		Đinh Ngọc Gia Minh	14/06/2004	Nữ	
10TH1	23	94285	Trần Khuê Minh	18/07/2004	Nữ	
10TH1	24		Phạm Quang Minh	28/12/2004	Nam	
10TH1	25		Ngô Gia Nghi	29/10/2004	Nữ	
10TH1	26		Trần Đình Nhân	20/06/2004	Nam	
10TH1	27		Vũ Minh Nhật	17/04/2004	Nam	
10TH1	28		Nguyễn Đức Bảo Quỳnh	24/04/2004	Nữ	
10TH1	29		Nguyễn Đại Minh San	13/11/2004	Nam	
10TH1	30		Phạm Đức Sơn	15/08/2004	Nam	
10TH1	31		Huỳnh Minh Tín	29/01/2004	Nam	
10TH1	32		Nguyễn Đức Bảo Trân	16/11/2004	Nữ	
10TH1	33		Vũ Nguyễn Quỳnh Trân	27/12/2004	Nữ	
10TH1	34		Dương Hải Trí	04/04/2004	Nam	
10TH1	35		Lê Trần Thiên Trường	17/04/2004	Nam	
10TH1	36		Phạm Ngọc Cát Tường	28/08/2004	Nữ	
10TH1	37		Đỗ Trần Hạnh Uyên	22/02/2004	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10TH2	1		Nguyễn Lương Nhật Anh	14/03/2004	Nữ	
10TH2	2		Vũ Tú Anh	29/03/2004	Nữ	
10TH2	3		Vũ Tuấn Anh	29/03/2004	Nam	
10TH2	4		Văn Lê Nguyệt Cát	14/12/2004	Nữ	
10TH2	5		Phùng Quốc Chiến	09/02/2004	Nam	
10TH2	6		Nguyễn Hồng Duyên	28/12/2004	Nữ	
10TH2	7		Đặng Trung Hải	24/08/2004	Nam	
10TH2	8		Trần Phạm Gia Hân	01/09/2004		
10TH2	9		Nguyễn Gia Huy	19/09/2004	Nam	
10TH2	10		Võ Tấn Huy	19/10/2004	Nam	
10TH2	11		Nguyễn Việt Hưng	13/03/2004	Nam	
10TH2	12		Lê Bá Khang	19/08/2004	Nam	
10TH2	13		Huỳnh Nguyên Khang	05/11/2004	Nam	
10TH2	14		Phùng Võ Mai Khanh	10/01/2004	Nữ	
10TH2	15		Trương Đăng Khoa	01/03/2004	Nam	
10TH2	16		Hoàng Lam Khuê	07/05/2004	Nữ	
10TH2	17		Nguyễn Duy Khương	17/11/2004	Nam	
10TH2	18		Trần Huỳnh Anh Kiệt	28/08/2004	Nam	
10TH2	19		Hoàng Nhân Kiệt	05/01/2004	Nam	
10TH2	20		Bùi Nguyên Lâm	17/11/2004	Nam	
10TH2	21		Nguyễn Bạch Vinh Lan	16/08/2004	Nữ	
10TH2	22		Trần Hiền Long	13/12/2004	Nam	
10TH2	23		Từ Tiên Long	30/04/2004	Nam	
10TH2	24		Vũ Thị Hồng Ngọc	26/09/2004	Nữ	
10TH2	25		Vũ Quỳnh Khánh Ngọc	17/11/2004	Nữ	
10TH2	26		Cao Anh Nguyên	22/04/2004	Nam	
10TH2	27		Hà Huy Phúc	26/04/2004	Nam	
10TH2	28		Trần Thảo Phúc	24/12/2004	Nữ	
10TH2	29		Lại Minh Quân	25/06/2004	Nam	
10TH2	30		Nguyễn Dương Bảo Quyên	19/02/2004	Nữ	
10TH2	31		Nguyễn Bạch Hà Thanh	16/08/2004	Nữ	
10TH2	32		Nguyễn Huỳnh Anh Thư	13/12/2004	Nữ	
10TH2	33		Phạm Nguyễn Đức Trí	04/03/2004	Nam	
10TH2	34		Hồ Thủy Trúc	16/10/2004	Nữ	
10TH2	35		Phạm Minh Uyên	04/09/2004	Nữ	
10TH2	36		Đoàn Quang Vinh	28/02/2004	Nam	

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NH 2019-2020

Lớp	Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
10TH3	1		Bùi Ngọc Loan Anh	02/11/2004	Nữ	
10TH3	2		Nguyễn Thanh Bình	19/05/2004		
10TH3	3		Mai Nguyễn Bảo Châu	11/04/2004		
10TH3	4		Trần Nguyễn Ngọc Châu	17/11/2004		
10TH3	5		Hồ Quốc Cường	22/08/2004	Nam	
10TH3	6		Đoàn Khang Duy	16/09/2004	Nam	
10TH3	7		Phùng Đăng	27/06/2004		
10TH3	8		Điền Lê Diệu Hà	27/04/2004	Nữ	
10TH3	9		Đỗ Nguyễn Thiên Hà	01/06/2004		
10TH3	10		Huỳnh Chí Hào	10/10/2004		
10TH3	11		Phạm Anh Hoàng	18/05/2004	Nam	
10TH3	12		Nguyễn Chí Khang	21/12/2004	Nam	
10TH3	13		Văn Vũ Duy Khang	26/08/2004		
10TH3	14		Trần Đăng Khoa	27/08/2004		
10TH3	15		Trịnh Nguyễn Minh Khuê	24/12/2004	Nữ	
10TH3	16		Nguyễn Hoàng Lam	14/07/2004		
10TH3	17		Trần Quang Minh	03/03/2004		
10TH3	18		Nguyễn Tuấn Minh	02/09/2004		
10TH3	19		Võ Lee Song Nghi	17/11/2004		
10TH3	20		Nguyễn Bảo Ngọc	06/06/2004		
10TH3	21		Ngô Khả Oanh	09/08/2004		
10TH3	22		Nguyễn Thế Phong	03/07/2004		
10TH3	23		Phan Thiên Phú	18/07/2004	Nam	
10TH3	24		Trần Phan Minh Phương		Nữ	
10TH3	25		Phạm Diễm Quỳnh	20/02/2004		
10TH3	26		Hà Nguyễn Tiến Thành	11/10/2004		
10TH3	27		Giang Thuỵ Anh Thư	29/07/2004		
10TH3	28		Trần Ngọc Minh Thư	03/09/2004		
10TH3	29		Trương Nguyễn Hồng Thy	19/05/2004	Nữ	
10TH3	30		Hứa Hùng Tín	27/02/2004	Nam	
10TH3	31		Trần Quang Trí	02/02/2004	Nam	
10TH3	32		Nguyễn Minh Triết	16/08/2004		
10TH3	33	102515	Phan Tú	01/01/2004	Nam	
10TH3	34		Huỳnh Khánh Vân	15/01/2004	Nữ	
10TH3	35		Trần Thuỵ Vy	25/08/2004		
10TH3	36		Huỳnh Thị Thanh Xuân	12/11/2004	Nữ	